

Bản án số: 22/2019/DS-ST

Ngày: 02-8-2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Quốc

2. Ông Võ Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐST - DS ngày 16 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L

Trú tại: ấp P, thị trấn M, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị C (có mặt)

Địa chỉ: Số 2, đường T, phường X, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh T (vắng mặt)

Nơi công tác: Cơ Quan X

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Trần Thị Hà X (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, thị trấn N, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

2/ Chị Võ Thị Thúy V (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã Ph, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

3/ Anh Phùng Hoàng R (vắng mặt)

Nơi công tác: Cơ quan A

Địa chỉ: ấp P, thị trấn N, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- *Người làm chứng:*

1/ Anh Ngô Trung B (vắng mặt)

Nơi công tác: Cơ quan X

2/ Anh Phạm Văn Đ (vắng mặt)

Nơi công tác: Cơ quan X

3/ Anh Nguyễn Văn P (vắng mặt)

Nơi công tác: Cơ quan X

4/ Anh Hồ Bá L (vắng mặt)

Nơi công tác: Cơ quan X

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn trình bày: Anh Huỳnh Thanh T có quen biết với chị Trần Thị Hà X là con gái của nguyên đơn. Anh T có nhờ chị X mượn tiền của nguyên đơn nhiều lần. Đến ngày 22/6/2016 anh T có làm biên nhận nợ bà L số tiền 170.000.000 đồng. Ngày 20/11/2018 anh T có gửi cho chị X 56.000.000 đồng để trả cho bà L. Đến nay anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn và vợ là Võ Thị Thúy V trả tiền gốc là 114.000.000 đồng. Và yêu cầu tính lãi từ ngày 22/7/2018 đến ngày 20/11/2018 trên số tiền 170.000.000 đồng là 5.495.000 đồng; và lãi suất từ ngày 20/11/2018 đến khi xét xử sơ thẩm trên số tiền 114.000.000 đồng, sau đó căn trừ số tiền lãi anh T đã đóng được là 8.000.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Võ Thị Thúy V, chỉ yêu cầu anh Huỳnh Thanh T trả nợ.

Tại các lời khai của bị đơn anh Huỳnh Thanh T trình bày: Cuối năm 2016 anh có vay của anh Phùng Hoàng R là người làm chung cơ quan 04 lần với tổng số tiền 56.000.000 đồng, có làm biên nhận và anh R giữ biên nhận. Lãi suất 60.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Nguyên đơn yêu cầu anh trả nợ anh không đồng ý. Anh có mượn 56.000.000 đồng và đã trả trực tiếp cho chị X là vợ anh R vào cuối năm 2018, có làm biên nhận. Anh có ký vào biên nhận nợ 170.000.000 đồng, nhưng đây là số tiền gốc 56.000.000 đồng và tiền lãi do anh R quy định. Anh đồng ý trả cho anh R 50.000.000 đồng là tất nợ, còn nếu anh R đòi trả 114.000.000 đồng anh không đồng ý vì chưa đến hạn phải trả nợ theo thỏa thuận là một năm rưỡi sau tính từ ngày làm biên nhận 20/11/2018.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị Trần Thị Hà X trình bày: Chị là con gái của nguyên đơn, chị có quen biết với anh T và anh T có nhờ chị hỏi mượn tiền của mẹ chị nhiều lần. Ngày 22/6/2018 anh T có tổng kết nợ còn nợ lại mẹ chị là 170.000.000 đồng, và hứa 01 tháng sau sẽ trả tiền. Ngày 20/11/2018 anh T có gửi tiền cho chị để trả cho bà L là 56.000.000 đồng. Và chị có nhận tiền lãi của anh T do anh R chồng chị có đưa cho chị nhiều lần tổng số tiền 8.000.000 đồng, chị không nhớ cụ thể thời gian, chị có đưa lại cho bà L. Nay chị thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Anh Phùng Hoàng R trình bày: Anh và vợ anh là chị X có quen biết với anh T. Anh T có nhờ chị X mượn tiền của bà L nhiều lần. Các giao dịch là của anh T với bà L, và chị X, anh không biết. Anh có nhận tiền lãi của anh T để đưa cho chị X trả cho bà L. Anh không nhớ nhận bao nhiêu tiền lãi. Anh không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn yêu cầu anh T trả số tiền đã vay và tiền lãi phát sinh do anh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Nguyên đơn khai rằng cho anh T mượn tiền (vay không có lãi) chứ không phải là cho vay (vay có lãi suất), anh T thì cho rằng anh vay tiền có lãi suất chứ không phải vay mượn. Tại Biên bản đối chất ngày 17/6/2019 chị X cho rằng nguyên đơn cho bị đơn mượn tiền, nhưng tại biên bản lấy lời khai 23/7/2019 chị X khai rằng chị có nhận tiền lãi của anh T để đưa cho bà L, và anh R (chồng chị X) cũng khai anh có nhận tiền lãi của anh T để đưa cho chị X trả cho bà L. Điều này cũng được anh Hồ Bá L (kế toán cơ quan X) khai là từ tháng 4/2018 đến tháng 9/2018 anh R có kê anh trừ tiền lương trong tài khoản của anh T để chuyển cho anh R. Tại phiên tòa phía nguyên đơn cũng thừa nhận có nhận tiền lãi mà chị X đưa lại. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận giao dịch giữa nguyên đơn với anh T là hợp đồng vay có lãi.

[3] Anh T thừa nhận anh có ký vào biên nhận mượn tiền ngày 22/6/2018 nhưng khi anh ký là do anh R ép buộc anh phải ký nếu không sẽ làm ảnh hưởng đến uy tín của anh. Đến ngày 20/11/2018 anh có đến nhà vợ chồng anh R, chị X để trả số tiền 56.000.000 đồng vì đây là số tiền gốc anh đã vay, anh và chị X có làm

biên nhận và chị X và anh có thỏa thuận số tiền còn lại 114.000.000 đồng một năm rưỡi sau, chị X mới có quyền đòi lại.

[4] Nguyên đơn cho rằng khi chị X làm biên nhận ngày 20/11/2018 để thỏa thuận một năm rưỡi sau anh T mới trả số tiền 114.000.000 đồng thì bà L không đồng ý. Anh T làm biên nhận ngày 22/6/2018 hứa một tháng sau sẽ trả hết nợ nhưng anh T không trả tất nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh T phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn lại là 114.000.000 đồng.

[5] Hội đồng xét xử thấy rằng; anh T thừa nhận có ký vào biên nhận ngày 22/6/2018 và hứa 01 tháng sau sẽ trả nợ, nhưng anh T không trả nợ như đã thỏa thuận là đã phát sinh trách nhiệm trả nợ 170.000.000 đồng của anh T ngay từ tháng 7 năm 2018 và chỉ cần với chứng cứ này, nếu nguyên đơn khởi kiện sau ngày anh T vi phạm thỏa thuận (23/7/2018) là có đủ cơ sở để buộc anh T trả 170.000.000 đồng chứ không đợi đến khi trả 56.000.000 đồng thì mới phát sinh nghĩa vụ trả nợ tiếp theo và tranh chấp khi nào thì đến nghĩa vụ trả nợ. Anh T cho rằng lúc anh làm biên nhận ngày 22/6/2018 là do anh R ép buộc anh phải ký vì lúc đó anh sợ anh R làm mất uy tín của anh nên anh mới ký vào biên nhận, nhưng anh ký với nội dung viết tắt của các chữ “tôi không đồng ý”. Lời trình bày này không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận bởi anh không phải là đối tượng yếu thế trong xã hội để ai có thể ép buộc anh. Anh Toàn cho rằng anh chỉ có nợ 56.000.000 đồng tiền gốc nhưng anh không có chứng cứ để chứng minh, mặt khác anh còn làm biên nhận đồng ý sẽ trả tiếp số tiền 114.000.000 đồng. Như vậy có đủ cơ sở cho rằng anh T có nợ nguyên đơn số tiền 170.000.000 đồng. Và anh đã trả được 56.000.000 đồng nên anh còn phải tiếp tục thanh toán số tiền 114.000.000 đồng. Anh T cho rằng anh chỉ vay tiền của anh R với chị X, không phải vay của bà L. Nhưng biên nhận đứng tên bà L là người cho vay tiền nên anh T phải có trách nhiệm trả nợ cho bà L.

[6] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 23/7/2018 đến ngày 20/11/2018 là 03 tháng 27 ngày/170.000.000 đồng = 5.525.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi giai đoạn này là 5.495.000 đồng là phù hợp.

[6.1] Từ ngày 21/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (02/8/2019) là 08 tháng 11 ngày/114.000.000 đồng = 7.948.500 đồng.

[6.2] Tổng cộng tiền lãi là 13.443.500 đồng – 8.000.000 đồng = 5.443.500 đồng.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu phần án phí có giá ngạch là 119.443.500 đồng x 5% = 5.972.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L.

Buộc anh Huỳnh Thanh T phải trả cho bà Lê Thị L 119.443.500 đồng (trong đó tiền gốc là 114.000.000 đồng, tiền lãi là 5.443.500 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Huỳnh Thanh T phải chịu 5.972.000 đồng. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị L 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai số 0018086 ngày 04/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Ngô Huỳnh